

Phụ lục VIII
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU TẠI LĨNH VỰC XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2025)

STT	Chỉ tiêu	Tỉnh Đắk Lắk				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản mới nhất	Phiên bản 1.0	Phiên bản 2.0	Phiên bản 2.0	Phiên bản 2.0	Phiên bản 2.0
2.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng	100%	100%	100%	100%	100%
3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của bộ, cơ quan (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử</i>).	100%	100%	100%	100%	100%
4.	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử					
4.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đã triển khai tại địa chỉ https://dichvucong.daklak.gov.vn/				
4.2.	Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ, cơ quan (<i>các Vụ, Cục, Tổng cục, ...</i>)	100%	100%	100%	100%	100%
5.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
5.1.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn	46,14	39,13	41,5	50,49	50,49

STT	Chỉ tiêu	Tỉnh Đắk Lắk				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	trình					
5.1.1.	<i>Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	1.543	1.674	1.600	1.741	1.741
5.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	712	655	664	879	879
5.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	-	410	232	347	111
5.2.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần	29,55	24,31	26	40,38	40,38
5.2.1.	<i>Tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	1.543	1.674	1.600	1.741	1.741
5.2.2.	<i>Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần</i>	456	407	416	703	703
5.2.3.	<i>Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	-	225	213	306	139
5.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	100	99,91	93,61	56,7	56,7
5.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần</i>	1.543	1.062	1.080	1.582	1.582
5.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình,</i>	1.543	1.061	1.011	897	897

STT	Chỉ tiêu	Tỉnh Đắk Lắk				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	<i>một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>					
5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến	18,95	16,62	21,68	37,96	56,39
5.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	817.352	1.247.855	910.858	861.058	190.031
5.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	154.901	207.448	197.456	326.885	107.167
5.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	-	19,3	70,76	100	100
5.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	-	251	489	374 theo QĐ 2741/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	588 theo QĐ 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2024
5.5.2.	<i>Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của bộ, cơ quan.</i>	-	48	346	374 theo QĐ 2741/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	588 theo QĐ 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2024
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC</i>	20,76	19,98	85,01	99,84	99,20
6.2	<i>Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa</i>	0	0	0	0	18,26
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	0,64	3,64	91,26	99,78	97,14